| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ VĨNH CHÂU**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG**<br>---------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 6 – 2023
*Về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Võ Thị Hiếu.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Triệu Khánh Long.

2. Bà Thái Tín Hiền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa***: Bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2023/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 3 năm 2023, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2023/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị Th, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số nhà 380 ấp C, xã L, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

* *Bị đơn:* Anh Tào Minh Th1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số nhà 380 ấp C, xã L, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 29/7/2020 cũng như tại đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn Cao Thị Th trình bày:*

Vào năm 2006, chị Cao Thị Th kết hôn với anh Tào Minh Th1, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/9/2011. Trong thời gian sống chung vợ chồng có hai (02) con chung là Tào Thúy Tr (nữ) sinh ngày 04/7/2007 và Tào Ngọc Y (nữ) sinh ngày 20/4/2013. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến dần dần phát sinh mâu thuẫn, anh Th1 cờ bạc, không chung thủy nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa. Nay chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị Cao Thị Th yêu cầu được ly hôn với anh Tào Minh Th1.

- Về con chung: Chị Cao Thị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là cháu Tào Thúy Tr (nữ) sinh ngày 04/7/2007 và Tào Ngọc Y (nữ) sinh ngày 20/4/2013 cho đến khi hai cháu Tr và Y thành niên. Chị Th không yêu cầu anh Tào Minh Th1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Cao Thị Th khẳng định tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ do chị Thanh giao nộp là bản chính Giấy chứng nhận kết hôn của chị Cao Thị Th và anh Tào Minh Th1; bản sao căn cước công dân và bản sao Sổ hộ khẩu của của chị Cao Thị Th; bản sao Giấy khai sinh của cháu Tào Thúy Tr và cháu Tào Ngọc Y.

*Đối với bị đơn anh Tào Minh Th1:* Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của chị Th nhưng anh Th1 không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Đồng thời, anh Th1 cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho anh Th1 và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 01/6/2023, bị đơn Th1 vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu,

chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đối với bị đơn anh Tào Minh Th1, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Th1 vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Th1 theo quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Th được ly hôn với anh Th1, giao cho chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, anh Th1 không phải cấp dưỡng nuôi con; không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; chị Th phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Cao Thị Th khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh Tào Minh Th1 và yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Yêu cầu của chị Th được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Tào Minh Th1 đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại đơn xin vắng mặt, nguyên đơn có trình bày rõ các yêu cầu của mình và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao căn cước công dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của cháu Tào Thúy Tr và cháu Tào Ngọc Y cũng như việc không phản đối của anh Th1; đối chiếu với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị Th về việc kết hôn với

anh Th1 được Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/9/2011 và vợ chồng đã có 02 con chung là sự thật. Vì vậy, giữa chị Th và anh Th1 đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, hiện nay, chị Th và anh Th1 mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện các công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Như vậy, chị Th và anh Th1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị Th được ly hôn với anh Th1.

Đối với quyền nuôi con chung: Tại thời điểm xét xử vụ án 02 (hai) cháu Tào Thúy Tr (nữ) sinh ngày 04/7/2007 và Tào Ngọc Y (nữ) sinh ngày 20/4/2013 hiện đang sống với mẹ, như vậy chị Th đã thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của cha mẹ quy định tại Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình. Về phía anh Th1, suốt thời gian chị Th nuôi con, anh Th1 đã không có sự quan tâm, nuôi dưỡng, chăm lo ở mức cần thiết đối với con chung; anh Th1 đã vi phạm nghĩa vụ và quyền của cha mẹ như quy định của điều luật đã viện dẫn ở trên. Mặc khác, hai cháu Tào Thúy Tr (nữ) sinh ngày 04/7/2007 và Tào Ngọc Y (nữ) sinh ngày 20/4/2013 đều có nguyện vọng muốn sống với mẹ và chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) con chung nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) cháu Tào Thúy Tr (nữ) sinh ngày 04/7/2007 và Tào Ngọc Y (nữ) sinh ngày 20/4/2013 cho đến khi 02 (hai) cháu thành niên. Ghi nhận ý kiến tự nguyện của chị Th về việc không yêu cầu anh Th1 cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn khẳng định tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Th phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

**Tuyên xử**:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Cao Thị Th được ly hôn với anh Tào Minh Th1.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho chị Cao Thị Th được tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là cháu Tào Thúy Tr (nữ) sinh ngày 04/7/2007 và Tào Ngọc Y (nữ) sinh ngày 20/4/2013 cho đến khi 02 (hai) cháu Tr và cháu Y thành niên. Ghi nhận ý kiến tự nguyện của chị Th về việc không yêu cầu anh Th1 cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời gian chị Cao Thị Th nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu Tr và cháu Y , chị Th có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; anh Th1 có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khẳng định tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Cao Thị Th phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007866 ngày 31/3/2023 của

Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị Cao Thị Th và anh Tào Minh Th1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

*Nơi nhận:*
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- UBND xã L , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**VÕ THỊ HIẾU**